

Số: 19/2019/QĐST-DS

Bắc Từ Liêm, ngày 21 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 328, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 37/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Phạm Xuân T, sinh năm 1984; Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 6, ngách 145/77, đường C, phường C, quận BTL, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh T: Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 6, ngách 145/77, đường C, phường C, quận BTL, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Duy Ph, sinh năm 1960 và bà Đỗ Thị Th, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số 11, ngõ 136 H, tổ dân phố 10, phường P, quận BTL, thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chị Nguyễn Thị Hồng N, anh Phạm Xuân T và ông Nguyễn Duy Ph, bà Đỗ Thị Th có ký kết hợp đồng đặt cọc số 1819.2016/HĐ-ĐC ngày 16/9/2016 tại Văn phòng Công chứng Lạc Việt, 49 Văn Cao, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Ông Nguyễn Duy Ph, bà Đỗ Thị Th xác nhận đã nhận số tiền 400.000.000 đồng

của anh Phạm Xuân T, chị Nguyễn Thị Hồng N để đảm bảo cho việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hợp đồng đặt cọc số 1819.2016/HĐ-ĐC ngày 16/9/2016.

2.2. Các đương sự thống nhất hủy hợp đồng đặt cọc số 1819.2016/HĐ-ĐC ngày 16/9/2016 và không phạt cọc theo hợp đồng đặt này.

2.3. Xác nhận ông Nguyễn Duy Ph và bà Đỗ Thị Th đã thanh toán cho anh Phạm Xuân T và chị Nguyễn Thị Hồng N số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 26/7/2019. Các đương sự thỏa thuận về việc thanh toán tiền đặt cọc còn lại như sau:

+ Số tiền cọc 400.000.000 đồng được tính mức lãi là 10%/năm kể từ ngày 16/9/2016 đến ngày 26/7/2019 là: (34 tháng 10 ngày) x 400.000.000 đồng x 10%/năm = 114.444.433 đồng.

+ Tổng số tiền nợ gốc và lãi ông Nguyễn Duy Ph và bà Đỗ Thị Th còn phải thanh toán cho anh T, chị N là: Tiền gốc là 300.000.000 đồng, tiền lãi là 114.444.433 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi ông Ph, bà Th còn phải thanh toán là 414.444.433 đồng (*Bốn trăm mười bốn triệu, bốn trăm bốn mươi bốn nghìn, bốn trăm ba mươi ba đồng*).

+ Anh Phạm Xuân T và chị Nguyễn Thị Hồng N đồng ý gia hạn thời gian trả nợ cho ông Nguyễn Duy Ph và bà Đỗ Thị Th đến hết ngày 31/12/2019. Kể từ ngày 27/7/2019 đến hết ngày 31/12/2019 ông Ph, bà Th không phải chịu lãi suất trên số tiền chưa thanh toán.

Kể từ ngày 01/01/2020 nếu ông Ph, bà Th chưa thanh toán hết tiền theo thỏa thuận thì phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản tiền chưa thanh toán theo mức thỏa thuận 10%/năm cho đến khi trả xong toàn bộ số tiền chưa thanh toán.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Duy Ph và bà Đỗ Thị Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 10.288.889 đồng.

Hoàn trả anh Phạm Xuân T và chị Nguyễn Thị Hồng N số tiền tạm ứng án phí là 24.000.000đ (*Hai mươi bốn triệu đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0002591 ngày 25/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật theo thời gian thỏa thuận nêu trên của các đương sự và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, mức lãi suất là 10%/năm của khoản tiền chưa thanh toán tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân

sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Bắc Từ Liêm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Thế Vinh